

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2025 của HĐND xã Nguyễn Trãi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh	Dự toán xã giao trước điều chỉnh	Điều chỉnh tăng, giảm	Dự toán xã sau điều chỉnh
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	181,223	813,472	4,228	817,700
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	113,883	746,132	-197,391	548,741
-	Thu NSDP hưởng 100%	620	620		620
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	113,263	745,512	-197,391	548,121
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	67,340	67,340	173,337	240,677
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	49,440	49,440		49,440
2	Thu bổ sung có mục tiêu	17,900	17,900	173,337	191,237
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư			21,466	21,466
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			6,816	6,816
B	TỔNG CHI NSDP	181,223	813,472	4,228	817,700
I	Tổng chi cân đối NSDP	163,323	795,572	-173,425	622,147
1	Chi đầu tư phát triển	112,500	744,749	-173,425	571,324
2	Chi thường xuyên	47,559	47,559		47,559
3	Dự phòng ngân sách	3,264	3,264		3,264
4	Chi nộp ngân sách cấp trên				0
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	17,900	17,900	173,337	191,237
III	Chi các chương trình mục tiêu				
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
IV	Chi từ nguồn chuyển nguồn			4,316	4,316
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP				
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2025 của HĐND xã Nguyễn Trãi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Dự toán xã giao trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Dự toán xã giao sau điều chỉnh
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI NSDP	181,223	813,472	4,228	817,700
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	163,323	795,572	-169,109	626,463
I	Chi đầu tư phát triển	112,500	744,749	-173,425	571,324
1	Chi đầu tư cho các dự án	112,500	744,749	-173,425	571,324
	Chi từ thu tiền sử dụng đất	112,500	744,749	-197,391	547,358
	Chi từ thu khác ngân sách				
	Chi từ nguồn kết dư			21,466	21,466
	Chi từ nguồn chuyển nguồn			2,500	2,500
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	47,559	47,559		47,559
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
2	Chi khoa học và công nghệ				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
IV	Chi từ nguồn chuyển nguồn			4,316	4,316
V	Dự phòng ngân sách	3,264	3,264		3,264
VI	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU				
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
B	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	17,900	17,900	173,337	191,237

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2025 của HĐND xã Nguyễn Trãi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Dự toán xã giao	Điều chỉnh tăng, giảm	Dự toán xã giao sau điều chỉnh
A	B	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH CẤP XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	181,223	813,472	4,228	817,700
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	113,883	746,132	-197,391	548,741
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	67,340	67,340	173,337	240,677
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	49,440	49,440		49,440
-	Thu bổ sung có mục tiêu	17,900	17,900	173,337	191,237
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
4	Thu kết dư			21,466	21,466
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			6,816	6,816
II	Chi ngân sách	181,223	813,472	4,228	817,700
1	Chi đầu tư phát triển	112,500	744,749	-173,425	571,324
2	Chi thường xuyên	47,559	47,559		47,559
3	Dự phòng ngân sách	3,264	3,264		3,264
4	Chi từ nguồn chuyển nguồn			4,316	4,316
5	Chi bổ sung mục tiêu	17,900	17,900	173,337	191,237
III	Bội chi NSX/Bội thu NSX				

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2025 của HĐND xã Nguyễn Trãi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 đã giao	Điều chỉnh tăng, giảm	Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
A	B	1	2	3
	TỔNG CHI NSDP	813,472	4,228	817,700
A	CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC	795,572	-173,425	622,147
I	Chi đầu tư phát triển	744,749	-173,425	571,324
1	Chi đầu tư cho các dự án	744,749	-173,425	571,324
1.1	Chi từ nguồn thu tiền đất	744,749	-197,391	547,358
1.2	Chi từ thu khác ngân sách			
1.3	Chi từ nguồn chuyển nguồn		2,500	2,500
1.4	Chi từ nguồn kết dư		21,466	21,466
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	47,559	0	47,559
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
2	Chi khoa học và công nghệ			
3	Chi quốc phòng	1,658		1,658
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2,381		2,381
5	Chi văn hóa và truyền thanh	2,176		2,176
6	Chi sự nghiệp y tế	476		476
7	Chi bảo vệ môi trường	390		390
8	Chi các hoạt động kinh tế	2,047		2,047
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	35,006		35,006
10	Hỗ trợ Hội đoàn thể	1,265		1,265
11	Chi bảo đảm xã hội	1,464		1,464
12	Chi thường xuyên khác	698		698
III	Dự phòng ngân sách	3,264		3,264
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	17,900	173,337	191,237
C	Chi từ nguồn chuyển nguồn		4,316	4,316

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2025 của HĐND xã Nguyễn Trãi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
TỔNG SỐ		817,700	571,324	51,875	3,264	0	0	0	191,237	0
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	47,559	0	47,559	0	0	0	0	0	0
1	Văn phòng Đảng uỷ xã	7,791		7,791						
2	Văn phòng HĐND-UBND xã	29,623		29,623						
3	Ủy ban MTTQ Việt Nam xã	8,639		8,639						
4	Trung tâm phục vụ hành chính công xã	1,240		1,240						
5	Trung tâm dịch vụ văn hoá-xã hội xã	266		266						
II	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	571,324	571,324							
1	Chi từ thu tiền đất	547,358	547,358							
2	Chi từ chuyển nguồn	2,500	2,500							
2	Chi nguồn kết dư	21,466	21,466							
3	Chi từ thu khác ngân sách	0								
III	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	3,264			3,264					
V	CHI TỪ NGUỒN CHUYỂN NGUỒN	4,316		4,316						
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS CẤP TRÊN	191,237							191,237	